

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

**BẢN CÔNG BỐ**  
**ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG 12, QUẬN 10**

**Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại Ủy ban nhân dân  
Phường 12, Quận 10 phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015  
đối với hoạt động quản lý nhà nước**  
*(Theo phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND  
ngày 21 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Phường 12)*

**Bản công bố này có hiệu lực kể từ ngày ký.**

**Phường 12, ngày 21 tháng 10 năm 2024**

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Hải Phong**

**PHỤ LỤC**  
**CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG 12**  
**ĐƯỢC CÔNG BỐ PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 9001:2015**  
(Đính kèm theo Quyết định số 1000/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2024  
của Ủy ban nhân dân Phường 12)

STT	Tên tài liệu	Mã hiệu
<b>I. Thủ tục theo mô hình hệ thống quản lý chất lượng</b>		
1.	Chính sách chất lượng	CSCL
2.	Mục tiêu chất lượng	MTCL
3.	Bản mô tả mô hình Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015	BMT
4.	Quy trình kiểm soát thông tin dạng văn bản (tài liệu và hồ sơ)	QT-01
5.	Quy trình quản lý rủi ro và cơ hội	QT-02
6.	Quy trình đánh giá nội bộ hệ thống quản lý chất lượng	QT-03
7.	Quy trình kiểm soát và xử lý công việc không phù hợp	QT-04
8.	Quy trình thực hiện hành động khắc phục	QT-05
9.	Quy trình xem xét của lãnh đạo về hệ thống quản lý chất lượng	QT-06
<b>II. Quy trình giải quyết TTHC</b>		
<b>1. LĨNH VỰC TÔN GIÁO (Quyết định số 3220/QĐ-UBND ngày 15/8/2024)</b>		
10.	Thủ tục đăng ký hoạt động tín ngưỡng	QT -01/TG
11.	Thủ tục đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng	QT -02/TG
12.	Thủ tục đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung	QT -03/TG
13.	Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung	QT -04/TG
14.	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã	QT -05/TG
15.	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến	QT -06/TG

	địa bàn xã khác	
16.	Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã	QT -07/TG
17.	Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã	QT -08/TG
18.	Thông báo về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt động tôn giáo tập trung	QT -09/TG
19.	Thông báo tổ chức quyên góp trong địa bàn một xã của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	QT -10/TG
<b>2. LĨNH VỰC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG (Quyết định số 2411/QĐ-UBND ngày 02/7/2024)</b>		
20.	Thủ tục tặng giấy khen của UBND xã, phường, thị trấn về công trạng và thành tích	QT - 01/TĐKT
21.	Thủ tục tặng giấy khen của UBND xã, phường, thị trấn về thành tích thi đua theo đợt, chuyên đề	QT - 02/TĐKT
22.	Thủ tục tặng giấy khen của UBND xã, phường, thị trấn về thành tích đợt xuất	QT - 03/TĐKT
23.	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã cho hộ gia đình	QT - 04/TĐKT
24.	Thủ tục công nhận danh hiệu “Lao động tiên tiến”	QT - 05/TĐKT
<b>3. LĨNH VỰC DÂN TỘC (Quyết định số 230/QĐ-UBND ngày 18/01/2024)</b>		
25.	Thủ tục công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	QT -01/DT
26. L Y	Thủ tục đưa ra khỏi danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	QT -02/DT
<b>4. LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO (Quyết định số 2887/QĐ-UBND ngày 25/8/2022)</b>		
27.	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học	QT-01/GD
28.	Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	QT-02/GD
29.	Cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động giáo dục trở lại	QT-03/GD
30.	Sáp nhập, chia tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	QT-04/GD

<b>5. LĨNH VỰC TIẾP CÔNG DÂN (Quyết định số 2141/QĐ-UBND ngày 23/6/2022)</b>		
31.	Thủ tục tiếp công dân	QT - 01/TDC
<b>6. LĨNH VỰC GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI (Quyết định số 3720/QĐ-UBND ngày 02/11/2021)</b>		
32.	Giải quyết khiếu nại lần đầu	QT - 01/GQKN
<b>7. LĨNH VỰC GIẢI QUYẾT TỔ CÁO (Quyết định số 1955/QĐ-UBND ngày 05/6/2020)</b>		
33.	Thủ tục giải quyết tố cáo tại cấp xã	
<b>8. LĨNH VỰC HỘ TỊCH (Quyết định số 2371/QĐ-UBND ngày 28/6/2024; Quyết định số 3291/QĐ-UBND ngày 10/9/2021; Quyết định số 5962/QĐ-UBND ngày 27/12/2023)</b>		
34.	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	QT-01/HT
35.	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	QT-02/HT
36.	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	QT-03/HT
37.	Đăng ký kết hôn	QT-04/HT
38.	Đăng ký khai tử	QT-05/HT
39.	Đăng ký khai sinh lưu động	QT-06/HT
40.	Đăng ký kết hôn lưu động	QT-07/HT
41.	Đăng ký khai tử lưu động	QT-08/HT
42.	Đăng ký chấm dứt việc giám hộ	QT-09/HT
43.	Đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch	QT-10/HT
44.	Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	QT-11/HT
45.	Đăng ký lại khai sinh	QT-12/HT
46.	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	QT-13/HT
47.	Đăng ký lại kết hôn	QT-14/HT
48.	Đăng ký lại khai tử	QT-15/HT
49.	Đăng ký khai sinh cho trẻ em sinh ra do mang thai hộ	QT-16/HT
50.	Đăng ký khai sinh	QT-17/HT

51.	Đăng ký việc nhận cha, mẹ, con	QT-18/HT
52.	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	QT-19/HT
53.	Đăng ký giám hộ	QT-20/HT
54.	Xác nhận thông tin hộ tịch	QT-21/HT
<b>9. Lĩnh vực Môi trường (Quyết định số 4945/QĐ-UBND ngày 31/10/2023; quyết định số 3743/QĐ-UBND ngày 10/9/2024)</b>		
55.	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường	QT-01/MT
56.	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích	QT-02/MT
<b>10. Lĩnh vực Hòa giải cơ sở Quyết định số 2103/QĐ-UBND ngày 28/4/2016; Quyết định số 2700/QĐ-UBND ngày 29/6/2018</b>		
57.	Thủ tục bầu hòa giải viên.	QT-01/HGCS
58.	Thủ tục Bầu Tổ trưởng Tổ hòa giải.	QT-02/HGCS
59.	Thủ tục Thôi làm Hòa giải viên.	QT-03/HGCS
60.	Thủ tục Thanh toán thù lao cho Hòa giải viên.	QT-04/HGCS
61.	Thực hiện Hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải.	QT-05/HGCS
<b>11. Lĩnh vực Phổ biến giáo dục pháp luật (02 TTHC) Quyết định số 2700/QĐ-UBND ngày 29/6/2018</b>		
62.	Công nhận Tuyên truyền viên pháp luật	QT-01/PBGD
63.	Cho thôi làm Tuyên truyền viên pháp luật	QT-02/PBGD
<b>12. Lĩnh vực Trách nhiệm bồi thường Nhà nước (01 TTHC) Quyết định số 6048/QĐ-UBND ngày 28/12/2018</b>		
64.	Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	QT-01/BTNN
<b>13. Lĩnh vực Chứng thực (11 TTHC) Quyết định số 2103/QĐ-UBND ngày 28/4/2016; Quyết định số 2700/QĐ-UBND ngày 29/6/2018</b>		

65.	Chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	QT-01/ CT
66.	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (thủ tục này cũng được áp dụng trong trường hợp chứng thực điếm chỉ khi người yêu cầu chứng thực chữ ký không ký được và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, điếm chỉ được)	QT-02/ CT
67.	Chứng thực chữ ký Giấy bán, cho, tặng xe máy chuyên dùng (áp dụng cả trong trường hợp chứng thực điếm chỉ khi người yêu cầu chứng thực chữ ký không ký được và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, điếm chỉ được)	QT-03/ CT
68.	Chứng thực chữ ký giấy bán, cho, tặng xe của cá nhân (áp dụng cả trong trường hợp chứng thực điếm chỉ khi người yêu cầu chứng thực chữ ký không ký được và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, điếm chỉ được)	QT-04/ CT
69.	Chứng thực chữ ký Giấy ủy quyền về việc đứng tên kê khai hưởng chính sách theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước (áp dụng cả trong trường hợp chứng thực điếm chỉ khi người yêu cầu chứng thực chữ ký không ký được và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, điếm chỉ được)	QT-05/ CT
70.	Chứng thực di chúc	QT-06/CT
71.	Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản là động sản	QT-07/ CT
72.	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	QT-08/ CT
73.	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	QT-09/ CT
74.	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	QT-10/ CT
75.	Cấp bản sao từ sổ gốc	QT-11/ CT
<b>14. Lĩnh vực Thể thao (01 TTHC) Quyết định số 3294/QĐ-UBND ngày 8/8/2023</b>		
76.	Công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở	QT-01/TT

<b>15. Lĩnh vực Văn hóa cơ sở (01 TTHC) Quyết định số 53/QĐ-UBND ngày 06/01/2023)</b>		
77.	Thông báo tổ chức lễ hội cấp xã	QT-01/VHCS
<b>16. Lĩnh vực Thư viện (03 TTHC) Quyết định số 3960/QĐ-UBND ngày 23/11/2022</b>		
78.	Thông báo thành lập thư viện đối với thư viện cộng đồng	QT-01/TV
79.	Thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia tách đối với thư viện cộng đồng	QT-02/TV
80.	Thông báo chấm dứt hoạt động thư viện cộng đồng	QT-03/TV
<b>17. Lĩnh vực Bảo trợ xã hội (16 TTHC) Quyết định số 2375/QĐ-UBND ngày 04/6/2018; Quyết định 1235/QĐ-UBND ngày 18/3/2016; Quyết định 3258/QĐ-UBND, 02/8/2019; Quyết định 3354/QĐ-UBND ngày 17/9/2021</b>		
81.	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện, cấp tỉnh	QT-01/BTXH
82.	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	QT-02/BTXH
83.	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở	QT-03/BTXH
84.	Nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp	QT-04/BTXH
85.	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí mai táng	QT-05/BTXH
86.	Chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	QT-06/BTXH
87.	Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, trong và ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	QT-07/BTXH
88.	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	QT-08/BTXH
89.	Hỗ trợ chi phí khuyến khích hòa táng	QT-09/BTXH
90.	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	QT-10/BTXH

91.	Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật (khi không thay đổi dạng tật và mức độ khuyết tật)	QT-11/BTXH
92.	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	QT-12/BTXH
93.	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hàng năm	QT-13/BTXH
94.	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm	QT-14/BTXH
95.	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm	QT-15/BTXH
<b>18. Lĩnh vực bảo vệ chăm sóc trẻ em (01 TTHC) Quyết định số 2375/QĐ-UBND ngày 04/6/2018</b>		
96.	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	QT-01/TE
<b>19. Lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội (02 TTHC) Quyết định số 5287/QĐ-UBND ngày 10/10/2016; số 2570/qđ-UBND ngày 29/7/2022; Quyết định số 229/QĐ-UBND ngày 18/1/2024</b>		
97.	Đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện	QT-01/TNXH
98.	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	QT-02/TNXH
<b>20. Lĩnh vực Người có công (28 TTHC) Quyết định 3553/QĐ-UBND ngày 18/10/2022, 5038/QĐ-UBND ngày 23/11/2019; Quyết định số 237/QĐ-UBND ngày 18 tháng 01 năm 2024</b>		
99.	Cấp bằng tổ quốc ghi công đối với người hy sinh nhưng chưa được cấp bằng tổ quốc ghi công mà thân nhân đã được giải quyết chế độ ưu đãi từ ngày 31 tháng 12 năm 1994 trở về nước	QT-01/NCC
100.	Cấp đổi bằng Tổ quốc ghi công	QT-02/NCC
101.	Cấp lại bằng Tổ quốc ghi công	QT-03/NCC
102.	Cấp bằng Tổ quốc ghi công đối với người hy sinh hoặc mất tích trong chiến tranh	QT-04/NCC
103.	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do Bộ Lao động thương binh và xã hội quản lý	QT-05/NCC

104.	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng	QT-06/NCC
105.	Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an	QT-07/NCC
106.	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý	QT-08/NCC
107.	Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động thương binh và xã hội quản lý và cấp giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ	QT-09/NCC
108.	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng	QT-10/NCC
109.	Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	QT-11/NCC
110.	Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày	QT-12/NCC
111.	Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công	QT-13/NCC
112.	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	QT-14/NCC
113.	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà Mẹ Việt Nam anh hùng”	QT-15/NCC
114.	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an	QT-16/NCC
115.	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng	QT-17/NCC
116.	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ	QT-18/NCC
117.	Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	QT-19/NCC
118.	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng tại nghĩa trang liệt sĩ đi nơi khác theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	QT-20/NCC
119.	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	QT-21/NCC
120.	Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần	QT-22/NCC
121.	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	QT-23/NCC

**Quyết định số 237/QĐ-UBND ngày 18 tháng 01 năm 2024**

122.	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	QT-24/NCC
123.	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	QT-25/NCC
<b>Quyết định số 2450/QĐ-UBND ngày 07/7/2020</b>		
124.	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh	QT-26/NCC
125.	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Cam-pu-chi-a	QT-27/NCC
<b>Quyết định số 161/QĐ-UBND ngày 12/01/2024)</b>		
126.	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp	QT-28/NCC
<b>21. Lĩnh vực đất đai (03 TTHC) Quyết định số 3582/QĐ-UBND ngày 28/8/2024)</b>		
127.	Hòa giải tranh chấp đất đai	QT-01/ĐĐ
128.	Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan tại ngũ, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an, người làm công tác cơ yếu và người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước mà chưa được giao đất ở, nhà ở; giáo viên, nhân viên y tế đang công tác tại các xã biên giới, hải đảo thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhưng chưa có đất ở, nhà ở tại nơi công tác hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; cá nhân thường trú tại xã mà không có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; cá nhân thường trú tại thị trấn thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn mà không có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở	QT-02/ĐĐ
129.	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông	QT-03/ĐĐ
<b>22. LĨNH VỰC PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG (Quyết định số 2058/QĐ-UBND ngày 17/6/2022 của UBND thành phố Hồ Chí Minh)</b>		

130.	Kê khai tài sản, thu nhập	QT-01/PCTN
131.	Tiếp nhận yêu cầu giải trình	QT-02/PCTN
132.	Thực hiện việc giải trình	QT-03/PCTN
<b>23. Lĩnh vực Xử lý đơn (Quyết định số 2580/QĐ-UBND ngày 01/8/2022)</b>		
133.	Xử lý đơn tại cấp xã	QT - 01/XLĐ
<b>24. Lĩnh vực Bảo hiểm xã hội (Quyết định số 4077/QĐ-UBND ngày 04/11/2020)</b>		
134.	Giải quyết chế độ hưu trí hằng tháng đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhập ngũ từ ngày 30 tháng 4 năm 1975 trở về trước, có đủ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ trước ngày 01 tháng 4 năm 2000	QT - 01/BHXH
<b>25. Lĩnh vực Chính sách (Quyết định số 4077/QĐ-UBND ngày 04/11/2020)</b>		
135.	Giải quyết chế độ hưu trí đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu nhập ngũ sau ngày 30/4/1975, trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, có đủ từ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu đã phục viên xuất ngũ, thôi việc	QT -01/CS
136.	Giải quyết chế độ trợ cấp 1 lần đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân nhập ngũ sau ngày 30/4/1975, trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, có đủ từ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu đã phục viên xuất ngũ, thôi việc (đối tượng từ trần)	QT -02/CS
<b>26. Lĩnh vực Nghĩa vụ quân sự (Quyết định số 4077/QĐ-UBND ngày 04/11/2020)</b>		
137.	Đăng ký nghĩa vụ quân sự lần đầu	QT - 01/NVQS
138.	Đăng ký trong ngạch dự bị	QT - 02/NVQS
139.	Đăng ký nghĩa vụ quân sự bổ sung	QT - 03/NVQS
140.	Đăng ký nghĩa vụ quân sự chuyên đi khi thay đổi nơi cư trú hoặc nơi	QT -

	làm việc, học tập	04/NVQS
141.	Đăng ký nghĩa vụ quân sự chuyển đến khi thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc, học tập	QT - 05/NVQS
142.	Đăng ký nghĩa vụ quân sự tạm vắng	QT - 06/NVQS
143.	Đăng ký miễn gọi nhập ngũ thời chiến	QT - 07/NVQS
<b>27. Lĩnh vực Phòng chống thiên tai (Quyết định số 393/QĐ-UBND ngày 09/02/2023)</b>		
144.	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội	QT - 01/PCTT
145.	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội	QT - 02/PCTT
<b>28. LĨNH VỰC THỦY LỢI (Quyết định số 393/QĐ-UBND ngày 09/02/2023)</b>		
146.	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)	QT -01/TT
147.	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	QT -02/TT
148.	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	QT -03/TT
<b>29. Lĩnh vực Tài nguyên nước (Quyết định số 2442/QĐ-UBND ngày 04/7/2024)</b>		
149.	Đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất	QT-01/TNN
150.	Đăng ký sử dụng mặt nước, đào hồ, ao, sông, suối, kênh, mương, rạch	QT-02/TNN
151.	Đăng ký khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển	QT-03/TNN
<b>30. Lĩnh vực Chính sách có công (Quyết định số 290/QĐ-UBND ngày 19/01/2017)</b>		
152.	Giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc	QT - 01/CSCC

	Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương	
<b>31. Lĩnh vực Gia đình (02 TTHC) (Quyết định số 142/QĐ-UBND ngày 11/01/2024)</b>		
153.	Cấm tiếp xúc theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã (Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với địa phương không tổ chức chính quyền cấp xã)	QT-01/GĐ
154.	Hủy bỏ Quyết định cấm tiếp xúc	QT-02/GĐ
<b>32. Lĩnh vực Bảo vệ quyền người tiêu dùng (Quyết định số 3120/QĐ-UBND ngày 09/8/2024)</b>		
155.	Thông báo về việc thực hiện hoạt động bán hàng không tại địa điểm giao dịch thường xuyên	QT-01/QNTD
<b>33. Lĩnh vực Bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở (Quyết định số 2666/QĐ-UBND ngày 12/7/2024)</b>		
156.	Giải quyết chế độ, chính sách cho người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm y tế mà bị ốm đau, bị tai nạn, bị thương khi thực hiện nhiệm vụ	QT-01/AN TT
157.	Giải quyết chế độ, chính sách cho người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm xã hội mà bị tai nạn, chết khi thực hiện nhiệm vụ	QT-02/AN TT
<b>34. Lĩnh vực Liên thông (Quyết định số 2196/QĐ-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2024)</b>		
158.	Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	QT-01/LTYT-TP-CA-BHXH
159.	Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai táng phí, tử tuất	QT-02/LTYT-TP-CA-BHXH